



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA HAI MÔ HÌNH SẢN XUẤT XOÀI CÁT Ở TỈNH ĐỒNG THÁP

Dương Ngọc Thành¹ và Nguyễn Vũ Phong²

¹ Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

² Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

Thông tin chung:

Ngày nhận: 23/04/2014

Ngày chấp nhận: 29/08/2014

Title:

Financial performance assessment of two mango production models in Dong Thap

Từ khóa:

Xoài, thực hành truyền thống, tiêu chuẩn GAP, hiệu quả sản xuất

Keywords:

Mango, traditional practice, GAP standard, production efficiency

ABSTRACT

The study uses data from interviewing 200 farm households cultivating mango in Dong Thap province. The sample consists of 134 farmers cultivating mango by traditional model and 66 farmers cultivating mango by GAP standard model (Good Agriculture Practice). The objective of the study are to assess the financial performance of two mango production models and suggest some solutions to improve mango production efficiency for farmers in Dong Thap province. The results of study showed that the mango production with model GAP standard had revenue, profit and financial indexes more efficient than production with model traditional mango. Through multiple regression analysis, the mango production of farmers are influenced by the following factors: investment costs, mango acreage, number of days of family labor, planting density, using wrap fruit. Study also proposed 2 groups solution: (i) development team producing solutions, (ii) group consumed product solutions to improve the efficiency of production and consumption for mango of farmers.

TÓM TẮT

Bài nghiên cứu sử dụng số liệu từ cuộc phỏng vấn 200 nông dân trồng xoài tại tỉnh Đồng Tháp, trong đó có 134 nông hộ trồng xoài theo mô hình truyền thống và 66 nông hộ trồng xoài của mô hình tiêu chuẩn GAP (Thực hành nông nghiệp tốt). Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả tài chính của hai mô hình sản xuất xoài theo GAP và truyền thống, và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông dân trồng xoài tại tỉnh Đồng Tháp. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sản xuất xoài theo mô hình tiêu chuẩn GAP có doanh thu, lợi nhuận và chỉ số tài chính có hiệu quả cao hơn so với mô hình sản xuất xoài truyền thống. Thông qua phân tích mô hình hồi quy đa biến, sản xuất xoài của nông dân bị tác động bởi các yếu tố: chi phí đầu tư, diện tích xoài, số ngày công lao động gia đình, mật độ trồng, sử dụng bao trái. Nghiên cứu cũng đề xuất 2 nhóm giải pháp: nhóm (i) các giải pháp phát triển sản xuất, và (ii) giải pháp nhóm tiêu thụ sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ xoài của nông dân.

1 GIỚI THIỆU

Đồng Tháp là tỉnh có diện tích trồng xoài lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Theo số liệu Tổng cục Thống kê, đến năm 2010 diện tích xoài tỉnh Đồng Tháp đạt 9.100 ha, chiếm 21,11% diện tích xoài vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tháng 2/2012 xoài cát Hòa Lộc và xoài cát Cao Lãnh đã được Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu sản phẩm tập thể, đã được cấp mã vùng xuất khẩu qua Newzeland, Úc, Nhật Bản và đã được công ty Xuyên Việt, Yasaka của Nhật đặt quan hệ thương mại (Nguyễn Phước Tuyên, 2012). Những năm qua, tỉnh Đồng Tháp đã tập trung chỉ đạo khu vực sản xuất xoài theo hướng an toàn, chất lượng nhằm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng và tăng khả năng cạnh tranh của nông sản tỉnh nhà. Cụ thể tỉnh đã hình thành vùng sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GlobalGAP quy mô 21 ha tại huyện Cao Lãnh, tiêu chuẩn VietGAP 10 ha, đủ điều kiện sản xuất an toàn 20 ha tại huyện Cao Lãnh, VietGAP 40 ha và đủ điều kiện sản xuất an toàn 20 ha ở thành phố Cao Lãnh (Nguyễn Phước Tuyên, 2012).

Trong quá trình triển khai thực hiện các mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP (thực hành sản xuất nông nghiệp tốt), bên cạnh những thuận lợi về chủ trương, chính sách, hỗ trợ từ các nhà khoa học, các Viện, Trường,... mô hình sản xuất cây ăn trái theo tiêu chuẩn GAP còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại như nhận thức của người dân về tầm quan trọng của sản xuất GAP chưa cao, diện tích sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, khả năng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của người dân chưa đồng đều, sản phẩm chưa đồng nhất về chất lượng, giá bán sản phẩm theo tiêu chuẩn GAP chưa có sự khác biệt đáng kể so với sản phẩm sản xuất theo mô hình truyền thống. Giá bán đôi khi bằng với giá sản phẩm sản xuất theo truyền thống. Một số Tổ hợp tác và Hợp tác xã sản xuất theo tiêu chí GAP chưa ký kết được hợp đồng bao tiêu sản phẩm do sản lượng thiếu tập trung, chưa đáp ứng nhu cầu của các Công ty thu mua và chế biến,... Do vậy, nhằm phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP và theo mô hình truyền thống, đề xuất giải pháp phát triển xoài cát trong thời gian tới, đề tài “Đánh giá hiệu quả tài chính hai mô hình sản xuất xoài cát tỉnh Đồng Tháp” được chọn nghiên cứu.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp chọn vùng và mẫu nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu tại huyện Cao Lãnh và vùng ngoại vi của thành phố Cao Lãnh, đây là vùng sản xuất xoài cát lớn nhất của tỉnh. Tổng số quan sát là 200 hộ nông dân trồng xoài cát và thực hiện phỏng vấn trên 2 nhóm hộ: nhóm hộ sản xuất xoài theo truyền thống đại trà và nhóm hộ sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP. Quan sát mẫu được chọn theo phương pháp phân tầng - ngẫu nhiên thuận tiện thuộc 05 xã của huyện Cao Lãnh và thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, 66 hộ canh tác theo mô hình tiêu chuẩn GAP và 134 hộ canh tác theo truyền thống đại trà.

2.2 Phương pháp phân tích dữ liệu

Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả nhằm mô tả thực trạng sản xuất và tiêu thụ xoài trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến phân tích tác động của yếu tố đầu vào đến sản lượng xoài của nông hộ, các biến phụ thuộc và độc lập được xác định trên cơ sở kết quả nghiên cứu liên quan của các tác giả trước. Phương pháp phân tích chi phí-lợi nhuận được sử dụng để so sánh hiệu quả tài chính giữa 2 mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP và sản xuất theo truyền thống đại trà. Phương pháp phân tích ma trận SWOT nhằm tổng hợp các yếu tố từ bên trong và các yếu tố bên ngoài. Kết quả phân tích tổng hợp nhằm đề ra các giải pháp phát triển cho địa bàn nghiên cứu trong thời gian tới.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Tổng quan vùng nghiên cứu

Đồng Tháp là một tỉnh nằm ở miền Tây Nam Bộ, có nền nông nghiệp phát triển, là vựa lúa lớn thứ ba của Việt Nam, đây là tỉnh có chỉ số tăng trưởng GDP cao và chỉ số về cạnh tranh kinh tế đứng thứ 2 trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và thứ 5 cả nước trong năm 2008, thứ nhất cả nước năm 2012. Nằm ở vị trí thượng nguồn sông Cửu Long, Đồng Tháp có thế mạnh về nông nghiệp và thủy sản, sản lượng lương thực bình quân hằng năm trên 2,6 triệu tấn phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Có nhiều loại cây ăn trái nổi tiếng như: nhãn Châu Thành, bưởi Phong Hòa, xoài cát Cao Lãnh, quýt hồng Lai Vung...

Xoài cát Hòa Lộc và xoài cát Chu Cao Lãnh là loại trái cây đặc sản của tỉnh Đồng Tháp, diện tích trồng và sản lượng xoài tăng nhanh qua các năm, đạt cao nhất là 9.300 ha với sản lượng cao nhất là 75.217 tấn. Trong đó, huyện Cao Lãnh có diện tích trồng xoài là 3.663 ha, sản lượng 30.924 tấn, thành phố Cao Lãnh có 2.002 ha, sản lượng 17.024 tấn.

Sản xuất xoài cát đã từng bước ứng dụng các quy trình canh tác hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, đến nay đã thực hiện 115 ha sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP... Trong đó, có 5 ha xoài được chứng nhận đạt tiêu chuẩn GlobalGAP. Mô hình liên kết trong sản xuất xoài bước đầu thực hiện theo phương thức ký kết hợp đồng tiêu thụ giữa Hợp tác xã xoài với các doanh nghiệp như công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) E.K PRIMA với sản lượng tiêu thụ 240 tấn/năm, công ty TNHH Cuộc Sống Tốt, công ty Nông sản Việt với sản lượng 60 tấn/tháng.

Tuy nhiên, sản lượng bao tiêu còn rất hạn chế, nông dân thường bán trực tiếp cho các thương lái tại chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp với bình quân 100-200 tấn/ngày vào lúc cao điểm. Đối với phương thức nông dân liên kết với cơ sở cung ứng vật tư đầu vào cho nông dân chưa được các doanh nghiệp quan tâm đầu tư. Bước đầu có Công ty phân bón Rồng Ngọc có đầu tư cho xã viên Hợp tác xã xoài Mỹ Xương nhưng số lượng còn rất hạn chế. Nhìn chung, việc thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ Xoài. Tuy có nhiều tín hiệu khả quan nhưng cũng còn nhiều khó khăn vướng mắc nhất là chưa đạt đến sự thỏa thuận cao trong hợp đồng mua bán sản phẩm, thị trường tiêu thụ chủ yếu là trong nước, xuất khẩu còn rất hạn chế. Mặt khác, do trình trạng sản xuất quy mô nhỏ, chưa thống nhất về quy trình kỹ thuật canh tác, lịch bố trí thời vụ, kỹ thuật sơ chế đóng gói và cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu nên tính liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa phát huy hiệu quả (*).

3.2 Đặc điểm nông hộ và tình hình sản xuất xoài cát

– Trình độ học vấn chủ hộ sản xuất xoài cát: Kết quả phân tích cho thấy, trình độ học vấn của chủ hộ sản xuất xoài phân bố ở cấp 1 là 29,5%, cấp 2 là 38,0% và cấp 3 là 30,0%, tỷ lệ học cao đẳng và

đại học rất thấp chỉ có 2,0%, và không học chiếm 0,5%. Kết quả cũng chỉ ra rằng trình độ học vấn của nhóm hộ sản xuất theo tiêu chuẩn GAP phân bố ở cấp 3 (47%) cao hơn so với nhóm hộ sản xuất theo truyền thống (21,6%), đây là yếu tố được nhận định là yếu tố về khả năng tiếp cận, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất xoài của nhóm hộ GAP càng thuận lợi.

– Kinh nghiệm trồng xoài cát của chủ hộ: Kết quả nghiên cứu cho thấy, kinh nghiệm sản xuất xoài cát của chủ hộ dưới 10 năm, 10-20 năm, 21-30 năm, và trên 30 năm là 27%, 49,5%, 13% và 10,5% tương ứng. Kinh nghiệm trồng xoài trung bình là 16 năm (1-50 năm), trong đó trung bình nhóm hộ sản xuất xoài theo truyền thống thì kinh nghiệm sản xuất xoài là 16,4 năm, đối với nhóm hộ sản xuất xoài theo tiêu chuẩn GAP thì kinh nghiệm sản xuất xoài trung bình là 16,3 năm. Từ kết quả phân tích trên cho thấy nông dân ở đây đã canh tác xoài khá lâu, đa phần nông hộ đã có kinh nghiệm canh tác trên 10 năm (chiếm 73%), và có nhiều kinh nghiệm trong chăm sóc, xử lý nghịch vụ, phòng trừ dịch hại... qua đó hiệu quả sản xuất xoài sẽ được nâng cao.

– Diện tích đất trồng xoài cát của 2 nhóm hộ: Diện tích đất trồng xoài cát của nông hộ tại vùng nghiên cứu có quy mô tương đối nhỏ, số hộ có diện tích dưới 0,5 ha là 57,5%, trên 1 ha là 15,0%. Diện tích đất trồng xoài trung bình là 0,66 ha (0,07 - 4,0 ha). Kết quả cũng cho thấy nhóm hộ sản xuất xoài theo GAP có quy mô tương đối lớn hơn nhóm hộ sản xuất truyền thống (0,81ha và 0,58 ha). Điều này cho thấy trong sản xuất theo tiêu chuẩn GAP thì đòi hỏi diện tích của nông hộ tương đối lớn để thuận lợi áp dụng các quy trình kỹ thuật, chất lượng đồng nhất, sản lượng đủ lớn để ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các công ty chế biến và xuất khẩu.

– Hình thức chuyển giao khoa học kỹ thuật: Trong 200 nông hộ được phỏng vấn thì có 44 hộ tham gia lớp tiêu chuẩn an toàn, chiếm tỷ lệ 22,0%, 55 hộ tham gia lớp VietGAP, chiếm tỷ lệ 27,5%, 34 hộ tham gia lớp GlobalGAP, chiếm tỷ lệ 17,0%, 39 hộ tham gia lớp kỹ thuật bao trái chiếm 19,5%, 60 hộ tham gia lớp kỹ thuật xử lý trái, chiếm 30,0%, chỉ có 5,2% số hộ tham gia lớp tập huấn kỹ thuật trồng xoài.

Bảng 1: Hình thức tham gia tập huấn kỹ thuật của 2 nhóm nông hộ

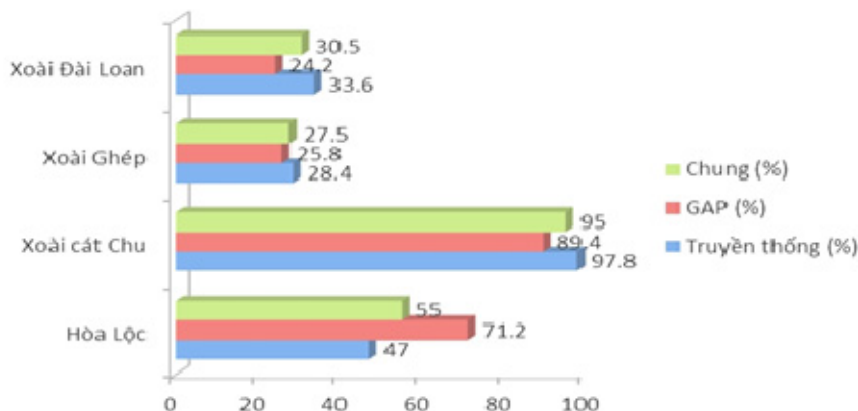
Hình thức chuyển giao kỹ thuật	Truyền thống		GAP		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Không được tập huấn	72	53,7	0	0,0	72	36,0
Được tập huấn	62	46,3	66	100,0	128	64,0
Tổng	134	100,0	66	100,0	2000	100,0
Tiêu chuẩn an toàn	17	27,4	27	51,9	44	38,5
VietGAP	17	27,4	38	73,0	55	48,2
GlobalGAP	6	9,6	28	53,8	34	29,8
Kỹ thuật bao trái	9	14,5	30	57,6	9	7,8
Kỹ thuật xử lý trái	29	46,7	31	59,6	60	52,6
Kỹ thuật trồng xoài	4	6,4	2	3,8	6	5,2
Số hộ trả lời	92		156		248	

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế 200 nông hộ tỉnh Đồng Tháp, 2013.

Kết quả cũng cho thấy nhóm hộ sản xuất theo tiêu chuẩn GAP tham gia tập huấn nhiều hơn hẳn nhóm hộ truyền thống, cụ thể trong 66 hộ sản xuất GAP thì có 100% hộ tham gia tập huấn, trong khi đó đối với hộ sản xuất truyền thống chỉ chiếm tỷ lệ 46%, bởi vì khi tham gia vào sản xuất theo tiêu chuẩn GAP thì các nông hộ đều được tập huấn kỹ thuật, quy trình sản xuất xoài phải đạt tất cả các tiêu chí theo quy định (quy định về giống xoài, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cho phép, ghi sổ nhật ký sản xuất, sử dụng nguồn nước,...), và trình độ canh tác xoài của nông dân tham gia sản xuất GAP cũng ngày càng được nâng cao, việc ứng dụng tiến bộ mới vào sản xuất cũng tốt hơn nhóm hộ không tham gia sản xuất GAP.

- Giống xoài canh tác của 2 nhóm hộ: Kết

quả từ Hình 1 cho thấy nông hộ trồng nhiều nhất là giống xoài Cát Chu, có 95% nông hộ trồng giống xoài này, đây là giống xoài dễ canh tác, cho năng suất khá cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương và xu thế thâm canh tăng năng suất hiện nay, kể đến là giống xoài cát Hòa Lộc đạt tỷ lệ 55%, đây cũng là giống xoài đặc sản tại địa phương, xoài Hòa Lộc khó xử lý trái hơn Cát Chu, năng suất cũng thấp hơn nhưng giá bán tương đối cao hơn xoài cát Chu. Do vậy, một số nông dân có kinh nghiệm xử lý trái rất tốt mới chọn giống xoài Hòa Lộc. Giống xoài Ghép (xoài 3 mùa mưa) cũng được nông hộ chọn trồng với tỷ lệ 27,5%, xoài Đài Loan với tỷ lệ 30,5% số hộ, hai giống xoài này được nông hộ trồng xen vào vườn xoài cát Hòa Lộc, xoài cát Chu nhằm đa dạng chủng loại xoài và đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.



Hình 1: Cơ cấu giống xoài trồng theo 2 nhóm hộ sản xuất

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế 200 nông hộ tỉnh Đồng Tháp, 2013

- Tiêu thụ xoài cát của 2 nhóm hộ: Nông dân sản xuất xoài cát có rất nhiều kênh tiêu thụ sản phẩm, qua kết quả khảo sát tình hình tiêu thụ xoài

của nông hộ ở Bảng 2 cho ta thấy có 54% số hộ bán xoài cho thương lái địa phương, 46,5% số hộ bán cho Vừa/Đại lý xoài trong tỉnh, 34,5% số hộ

bán cho các thương lái ngoài tỉnh, có 11,5% số hộ bán xoài tại chợ đầu mối Thủ Đức, kết quả cũng cho thấy đa phần nông hộ tiêu thụ xoài phải qua rất nhiều khâu trung gian, từ thương lái nhỏ, thương lái thu gom lớn hơn, vừa thu mua, đến công ty chế biến và xuất khẩu. Đối với 02 nhóm hộ sản xuất

theo truyền thống và tiêu chuẩn GAP thì đa phần nông hộ cũng tiêu thụ qua nhiều khâu trung gian, khoảng 90% số hộ bán qua thương lái, chỉ có khoảng 10% bán trực tiếp tại các chợ đầu mối nông sản (chợ đầu mối tỉnh Đồng Tháp, chợ đầu mối Thủ Đức).

Bảng 2: Tiêu thụ xoài cát của 2 nhóm hộ sản xuất xoài

Tiêu thụ Xoài của nông hộ	Truyền thống		GAP		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Thương lái địa phương	71	53,0	37	56,0	108	54,0
Thương lái ngoài tỉnh	48	35,8	21	31,8	69	34,5
Bán cho vừa/đại lý trong tỉnh	63	47,0	30	45,4	93	46,5
Chợ đầu mối Thủ Đức	12	8,9	11	16,6	23	11,5
Số hộ	134		66		200	

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế 200 nông hộ tỉnh Đồng Tháp, 2013

Giá thành, giá bán, sản lượng và doanh thu xoài cát: Kết quả điều tra cho thấy xoài cát được nông hộ sản xuất từ 1 đến 3 vụ/năm, năng suất bình quân chung đạt 16,5 tấn/ha/năm (3,2 - 30,0 tấn/ha/năm), giá bán bình quân của xoài cát là 13.681 đồng/kg (4.276-42.301 đồng/kg), chi phí bình quân để sản xuất 1 kg xoài của nông hộ là 6.021 đồng (1.071-25.871 đồng/kg), doanh thu bình quân chung của nông hộ sản xuất xoài đạt 206,6 triệu đồng/ha/năm (41,0-534,5 triệu đồng/ha/năm). Đối với mô hình sản xuất xoài truyền thống có năng suất bình quân chung đạt 16,73 tấn/ha/năm. Giá bán bình quân của xoài cát là 12.701 đồng/kg, chi phí bình quân để sản xuất 1 kg xoài của nông hộ là 5.892 đồng, doanh thu bình quân chung của nông hộ sản xuất xoài đạt 196,9 triệu đồng/ha/năm. Mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP có năng suất bình quân chung đạt 16,18 tấn/ha/năm, giá bán bình quân của xoài cát là 15.670 đồng/kg, chi phí bình quân để sản xuất 1 kg

xoài của nông hộ là 6.282 đồng, doanh thu bình quân chung của nông hộ sản xuất xoài cát đạt 226,2 triệu đồng/ha/năm.

Từ kết quả trên cho thấy, nhóm hộ sản xuất xoài cát theo truyền thống đại trà có năng suất bình quân cao hơn nhóm hộ sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP 0,55 tấn/ha, nhưng giá bán bình quân thấp hơn nhóm hộ sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP là 2.969 đồng/kg, tỷ lệ xoài loại I cũng thấp hơn nhóm hộ GAP là 2% (nhóm truyền thống đại trà có tỷ lệ xoài loại I là 19,9%, nhóm sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP là 21,9%), nên doanh thu của nhóm hộ truyền thống đại trà thấp hơn nhóm hộ sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP 29,3 triệu đồng/ha/năm.

3.3 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng xoài cát của nông hộ

– Yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng xoài cát theo mô hình sản xuất truyền thống

Bảng 3: Các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng (tấn/1000 m²) xoài cát

Các yếu tố	Mô hình xoài truyền thống			
	Hệ số hồi quy (B)	Giá trị t	Mức ý nghĩa (α)	VIF
Hằng số	0,269	0,236	0,776	
X ₁ : Tuổi chủ hộ (năm)	- 1,758	- 1,469	0,128	1,485
X ₂ : Trình độ học vấn (lớp)	3,246	1,928	0,168	1,282
X ₃ : Kinh nghiệm sản xuất (năm)	6,564	2,612	0,016	2,352
X ₄ : Chi phí đầu tư (triệu đồng)	1,290	2,355	0,021	1,692
X ₅ : Lao động đầu tư (số lao động)	- 1,126	- 0,386	0,720	1,834
X ₆ : Diện tích trồng xoài (1000 m ²)	6,895	12,132	0,000	2,310
X ₇ : Mật độ trồng (số cây/1000m ²)	0,196	1,126	0,263	1,479
D ₁ : Tham gia Hội đoàn (1=có và 0=không)	2,181	2,191	0,035	1,163
D ₂ : Tham gia tập huấn (1=có và 0=không)	5,087	2,063	0,041	1,352
Mức ý nghĩa		0,000		
Hệ số xác định R ²		0,681		
Hệ số tương quan bội R		0,825		
Số quan sát		134		

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế 200 nông hộ tỉnh Đồng Tháp, 2013

Kết quả Bảng 3 cho thấy từ phân tích phương sai (ANOVA): Giá trị kiểm định F với Sig.= 0,000 rất nhỏ so với mức ý nghĩa $\alpha = 0,01$. Vì vậy, ta có thể kết luận rằng sản lượng xoài Y (biến phụ thuộc) chịu ảnh hưởng bởi các biến độc lập: kinh nghiệm sản xuất (X_3), chi phí đầu tư (X_4), diện tích trồng xoài của nông hộ (X_6), tham gia hội đoàn (D_1), và tham gia tập huấn (D_2). Hệ số xác định $R^2 = 0,681$, cho thấy có 68,1% sản lượng xoài do ảnh hưởng/giải thích của các biến độc lập (X_i) đưa vào mô hình.

Kết quả nghiên cứu trước đây và qua nhận định của người dân cho thấy rằng nếu nông hộ đầu tư thâm canh hợp lý ở các khâu trong quá trình sản xuất (tỉa cành tạo tán, bón phân, xử lý trái, dưỡng trái, phòng trừ dịch hại trên xoài) thì sản lượng xoài sẽ tăng, nghĩa là năng suất xoài chưa đạt đến mức cao nhất và chi phí đầu tư của nông hộ vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sản lượng của vườn xoài. Thực tế khảo sát nông hộ cho thấy nhóm hộ sản xuất xoài cát truyền thống đại trà có

diện tích bình quân 0,58 ha, còn khá nhỏ, do vậy nếu nông hộ đầu tư thêm nguồn lực đất đai thì sản lượng xoài của nông hộ sẽ còn tăng thêm. Kết quả phân tích cũng cho thấy nếu nông hộ trồng xoài có tham gia các hội đoàn (hội nông dân, đoàn thanh niên, câu lạc bộ trồng xoài...) và tham gia các lớp tập huấn sẽ làm tăng sản lượng xoài.

– Các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng xoài cát theo mô hình GAP

Kết quả Bảng 4 cho thấy từ phân tích phương sai (ANOVA): Giá trị kiểm định F với Sig.= 0,000 rất nhỏ so với mức ý nghĩa $\alpha = 0,01$. Vì vậy, ta có thể kết luận rằng sản lượng xoài Y (biến phụ thuộc) chịu ảnh hưởng của các biến độc lập: X_2 (trình độ học vấn), X_3 (Kinh nghiệm sản xuất), X_4 (Chi phí đầu tư), X_5 (Lao động đầu tư), X_7 (Mật độ trồng), và D_3 (Sử dụng bao trái). Hệ số xác định $R^2 = 0,612$, cho thấy có 61,2% sản lượng xoài do ảnh hưởng/giải thích của các biến độc lập (X_i) đưa vào mô hình.

Bảng 4: Các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng xoài cát (tán/1000 m²) mô hình GAP

Các yếu tố	Mô hình GAP			
	Hệ số hồi quy (B)	Giá trị t	Mức ý nghĩa (α)	VIF
Hằng số	- 4,695	- 2,030	0,049	
X_8 : Tuổi vườn xoài (năm)	1,340	0,839	0,416	1,785
X_1 : Tuổi chủ hộ (năm)	-0,626	-0,903	0,372	1,268
X_2 : Trình độ học vấn (lớp)	2,206	2,327	0,032	1,304
X_3 : Kinh nghiệm sản xuất (năm)	5,052	3,150	0,005	1,997
X_4 : Chi phí đầu tư (triệu đồng)	3,954	2,414	0,020	2,014
X_5 : Lao động đầu tư (số người/1000 m ²)	- 0,342	-2,297	0,032	1,456
X_6 : Diện tích trồng xoài (1000 m ²)	1,025	1,248	0,132	1,410
X_7 : Mật độ trồng xoài (số cây/1000 m ²)	2,361	2,417	0,020	1,409
D_3 : Sử dụng bao trái (1=có và 0=không)	4,537	3,262	0,002	1,520
Mức ý nghĩa	0,000			
Hệ số xác định R^2	0,612			
Hệ số tương quan bội R	0,885			
Số quan sát	66			

Số liệu Nguồn: điều tra thực tế 200 nông hộ tỉnh Đồng Tháp, 2013

Kết quả cho thấy rằng nếu nông hộ đầu tư chi phí thâm canh hợp lý ở các khâu trong quá trình sản xuất thì sản lượng xoài sẽ tăng, nghĩa là năng suất xoài chưa đạt đến mức cao nhất và chi phí đầu tư của nông hộ vẫn còn hạn chế so với tiềm năng sản lượng của vườn xoài. Thực tế khảo sát nông hộ cho thấy nhóm hộ sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP có trình độ học vấn cấp 3 (47%), đây là yếu tố quyết định đến khả năng áp dụng kỹ thuật mới, tạo cơ hội sản lượng xoài của nông hộ sẽ còn tăng thêm. Qua kết quả mô hình phân tích hồi qui cho thấy kinh nghiệm sản xuất là yếu tố tác động đến

năng suất/sản lượng xoài theo tiêu chuẩn GAP. Trong khi đó, mức độ đầu tư ngày công lao động trong sản xuất xoài đã đạt đến ngưỡng năng suất biên giảm dần, nghĩa là đầu tư thêm ngày công lao động thì sản lượng xoài có khuynh hướng sẽ giảm dần. Mặt khác, cho thấy mật độ trồng xoài của nông hộ vẫn còn ít so với quy chuẩn kỹ thuật, kết quả điều tra cho thấy mật độ trồng của nông hộ dao động từ 225 đến 265 cây/ha, và nông hộ còn trồng xen một số cây ăn trái khác (nhãn, cam...) nên sản lượng mang lại chưa đạt được mức tối ưu. Khi nông hộ ứng dụng kỹ thuật bao trái trong sản xuất

thì sản lượng xoài sẽ tăng. Nông hộ trước khi áp dụng bao trái cho xoài (khoảng 45 ngày sau khi đậu trái) thì tiến hành phun thuốc ngừa sâu bệnh, sau đó tỉa bớt số trái trên 1 chùm xoài, chỉ để lại các trái xoài có thể đạt tiêu chuẩn loại I, loại II sẽ tăng, trái bóng đẹp hơn, ít sâu bệnh, giá bán cao hơn và đồng nghĩa với lợi nhuận mang lại cho nông hộ sẽ cao hơn.

3.4 Phân tích hiệu quả tài chính 2 mô hình sản xuất xoài cát

Kết quả điều tra về chi phí, thu nhập của 2 mô hình sản xuất xoài cát vùng nghiên cứu được trình bày ở Bảng 5. Kết quả phân tích cho thấy chi phí trung bình của mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP là 75,967 triệu đồng/ha, cao hơn mô hình sản xuất xoài cát truyền thống đại trà là 4,597 triệu đồng/ha (6,44%). Mô hình xoài cát truyền thống có chi phí là 71,369 triệu đồng/ha, nguyên nhân là do mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP có chi phí phân bón cao hơn 459.000 đồng/ha, chi phí bao trái cao hơn 3,599 triệu đồng/ha so với mô hình truyền thống. Tuy nhiên, mô hình truyền thống có chi phí thuốc bảo vệ thực vật cao hơn mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP là 1,873 triệu đồng/ha. Tổng chi phí đầu tư mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP cao hơn mô hình sản xuất xoài cát truyền thống là 4,751 triệu đồng/ha.

Doanh thu của mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP là 226,243 triệu đồng/ha cao hơn mô hình sản xuất xoài cát truyền thống là 29,342 triệu đồng/ha (14,9%). Mô hình sản xuất xoài truyền thống có doanh thu là 196,901 triệu đồng/ha. Lợi nhuận (có chi phí lao động gia đình) và Lợi nhuận (không tính chi phí lao động gia đình) của mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP lần lượt cao hơn mô hình sản xuất xoài truyền thống là 24,591 triệu đồng/ha và 24,744 triệu đồng/ha.

Từ những phân tích trên, chúng ta có thể kết luận là chi phí của mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP cao hơn mô hình sản xuất xoài cát truyền thống (kể cả chi phí công gia đình) nhưng doanh thu, lợi nhuận và các tỷ số tài chính khác... hiệu quả hơn mô hình sản xuất xoài cát theo truyền thống đại trà.

Kết quả kiểm định một số chỉ tiêu tài chính của 2 mô hình sản xuất xoài

Qua kết quả Bảng 5 cũng cho thấy, kết quả kiểm định một số chỉ tiêu tài chính trung bình có

thể kết luận rằng chỉ tiêu chi phí bao trái ở mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với mô hình sản xuất xoài cát truyền thống đại trà ở mức ý nghĩa ($\alpha = 1\%$). Chỉ tiêu doanh thu của mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với mô hình sản xuất xoài cát truyền thống đại trà ở mức ý nghĩa ($\alpha = 5\%$), các chỉ tiêu lợi nhuận (có chi phí công gia đình) và lợi nhuận (không chi phí công gia đình) của mô hình sản xuất xoài Cát theo tiêu chuẩn GAP lớn hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với mô hình sản xuất xoài cát truyền thống đại trà ở mức ý nghĩa ($\alpha = 10\%$). Các chỉ tiêu còn lại của 2 mô hình sản xuất xoài cát như: chi phí đầu tư, chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lao động thuê, chi phí tưới, chi phí công gia đình... không có sự khác biệt ý nghĩa về thống kê.

4 ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Qua đánh giá hiện trạng sản xuất và tiêu thụ, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội trong sản xuất và tiêu thụ xoài của nông hộ, một số nhóm giải pháp được đề xuất như sau:

Giải pháp kỹ thuật

- Liên kết với các Viện, Trường... tiếp tục chuyển giao kỹ thuật và công nghệ mới đối với sản xuất xoài cát, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương;
- Có kế hoạch, chương trình hoàn chỉnh cơ cấu giống xoài sản xuất tại địa phương theo hướng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Dần dần loại bỏ các giống xoài chất lượng kém (xoài Bưởi, xoài 3 mùa mưa...).
- Cập nhật tình hình dịch hại trên xoài và kịp thời chuyển giao các biện pháp phòng trừ hữu hiệu cho nông dân.
- Xây dựng mô hình trình diễn, tổ chức Hội thảo và phổ biến quy trình canh tác, xử lý trái, phòng trừ dịch hại trên xoài để nông dân có điều kiện tham gia học tập kinh nghiệm.

Giải pháp về tổ chức sản xuất

- Tổ chức lại sản xuất theo xu thế hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị gia tăng gắn với thương hiệu xoài. Thành lập các Tổ liên kết, Hợp tác xã trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm xoài Cát.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích - hỗ trợ phát triển xoài bền vững (xây dựng mô hình xoài theo hướng an toàn, VietGAP, GlobalGAP).

– Mở rộng quy mô chứng nhận theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa để nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường và ký kết hợp đồng xuất khẩu.

Giải pháp thị trường

– Tăng cường mối liên kết giữa Nhà nước, Nhà nông, Nhà khoa học và Doanh nghiệp. Trong đó vai trò của Doanh nghiệp là yếu tố then chốt để phát triển thị trường tiêu thụ. Hoạt động xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp sẽ cung cấp những thông tin cần thiết về nhu cầu thị trường, từ đó Nhà nước, Nhà khoa học có kế hoạch, định hướng sản xuất cho người nông dân.

– Nâng cấp kênh tiêu thụ sản phẩm xoài thông qua các liên kết dọc, hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho nông dân qua từng thời vụ.

– Tổ chức Hội thảo, Hội chợ giới thiệu sản phẩm xoài với sự tham gia của các nhà Khoa học, các Công ty chế biến, công ty xuất khẩu, hệ thống siêu thị... nhằm giới thiệu tiềm năng sản xuất, chủng loại và chất lượng sản phẩm xoài tại địa phương.

– Tham gia Hội chợ, Triển lãm, phiên chợ Nông nghiệp trong nước và nước ngoài nhằm quảng bá sản phẩm đặc sản của địa phương.

Bảng 5: Chi phí, doanh thu, lợi nhuận/ha/năm mô hình sản xuất xoài cát theo 2 nhóm hộ.

DVT: 1000 đồng

Khoản mục	Truyền thống		GAP		Giá trị t	Chung	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn		Trung bình	Độ lệch chuẩn
Chi phí đầu tư	71.369,20	2.524,97	75.966,82	4.354,35	-0,974 ns	72.886,42	2.218,58
Phân bón	11.704,86	687,13	12.163,61	974,61	-0,384 ns	11.856,25	560,39
Thuốc bảo vệ thực vật	40.184,57	2.205,41	38.311,18	2.812,62	0,505 ns	39.566,35	1.742,00
Bao trái	3.402,39	541,07	7.001,54	1.250,06	-3,084***	4.590,11	560,29
Chi phí tưới	1.863,64	232,48	1.546,18	233,17	0,859 ns	1.758,88	173,70
Lãi suất vay	1.636,78	385,77	3.570,37	995,30	-1,811 *	2.274,87	421,39
Chi khác	342,23	152,27	317,98	269,39	0,084 ns	334,23	134,93
Lao động thuê	12.234,72	824,70	13.055,94	1.323,69	-0,548 ns	12.505,72	702,97
Chi phí cơ hội	15.690,58	1.350,79	15.843,84	2.184,61	-0,062 ns	15.741,15	1.153,90
Tổng chi phí	87.059,79	3.022,70	91.810,65	5.288,01	-0,836 ns	88.627,58	2.670,30
Tổng doanh thu	196.901,34	8.159,96	226.242,91	12.920,80	-1,990 **	206.584,06	6.983,38
LN (có CP lao động GD)	109.841,57	8.062,74	134.432,27	13.243,60	-1,728 *	117.956,50	6.977,61
LN (không CP lao động GD)	125.532,14	7.862,07	150.276,11	12.716,57	-1,664 *	133.697,65	6.766,81
DT/CP (có CP lao động GD)	2,59		3,05			2,74	
LN/CP (có CP lao động GD)	1,59		2,05			1,74	
LN /DT (có CPLao động GD)	0,47		0,52			0,49	
DT/CP (không CP lao động GD)	3,16		3,58			3,30	
LN/CP (không CP lao động GD)	2,16		2,58			2,30	
LN /DT (không CP lao động GD)	0,57		0,60			0,58	

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế 200 nông hộ tỉnh Đồng Tháp, 2013

Ghi chú: ns = không khác biệt; *, ** và *** = khác biệt ở mức độ 10%, 5% và 1% qua kiểm định t (t – test)

Giải pháp khoa học công nghệ

– Liên kết với Viện Cây ăn quả miền Nam, Trường Đại học Cần Thơ và các Tổ chức khoa học khác trong việc nghiên cứu, duy trì, tuyển chọn và đưa vào sản xuất các giống xoài phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương và tập quán sản xuất của nông dân.

– Phát triển công nghệ bảo quản và sơ chế xoài sau thu hoạch nhằm đảm bảo chất lượng và nâng cao giá trị sản phẩm.

– Phát triển các Trung tâm, vườn sản xuất, nhân giống xoài với công nghệ hiện đại (nuôi cấy

mô) để sản xuất các giống xoài đảm bảo đồng nhất về chất lượng và với số lượng lớn đáp ứng nhu cầu thị trường.

– Từng bước cơ giới hóa các khâu trong sản xuất xoài cát (làm đất, tưới nước, bón phân, tỉa cành tạo tán...) nhằm giảm chi phí đến mức tối ưu trong sản xuất.

Cơ chế chính sách

– Lập quy hoạch, đề án, dự án phát triển sản xuất xoài phù hợp với thế mạnh của địa phương;

– Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, có chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến xoài, đa dạng hóa sản phẩm từ xoài (chế biến nước ép xoài, mứt xoài, xoài sấy...) nhằm nâng cao giá trị sản phẩm xoài.

– Có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các Tổ hợp tác, Hợp tác xã sản xuất xoài trên địa bàn trong việc tái chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

– Ban hành các chính sách, thủ tục kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn cho người tiêu dùng nhằm hướng nông dân sản xuất sản phẩm an toàn và tiến đến thị trường xuất khẩu.

– Hỗ trợ các Hợp tác xã đủ điều kiện sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP xây dựng nhà sơ chế, đóng gói, tái chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa.

5 KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu 200 nông hộ sản xuất xoài cát tại tỉnh Đồng Tháp cho thấy nguồn lực nông hộ ở 2 mô hình sản xuất xoài cát có sự khác biệt nhưng chênh lệch nhau không nhiều, có 83,5% nông hộ sản xuất xoài Cát 2 vụ/năm, vụ thuận bắt đầu vào tháng 12 đến cuối tháng 4, vụ nghịch sớm từ tháng 3 đến cuối tháng 6 và vụ nghịch muộn từ tháng 7 đến cuối tháng 11 (Dương lịch). Qua phân tích các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến sản lượng xoài từ mô hình hồi quy cho thấy: sản lượng xoài cát của nông hộ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: Chi phí đầu tư, diện tích trồng xoài, số ngày công lao động đầu tư, mật độ trồng, sử dụng bao trái. Qua phân tích, so sánh hiệu quả tài chính của hai mô hình sản xuất xoài cho thấy sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP đạt hiệu quả cao hơn mô hình sản xuất truyền thống, yếu tố tạo nên khác biệt giữa 2 mô hình là do doanh thu của mô hình sản xuất xoài cát theo tiêu chuẩn GAP là 226,243 triệu đồng/ha cao hơn mô hình truyền thống là 29,342 triệu đồng/ha (14,9%), mô hình truyền thống có doanh thu là 196,901 triệu đồng/ha. Lợi nhuận (có chi phí công gia đình) và lợi nhuận (không tính chi phí công gia đình) của mô hình GAP lần lượt cao hơn mô hình sản xuất xoài cát truyền thống đại trà là 24,591 triệu đồng/ha và 24,744 triệu đồng/ha.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Ngọc Thành, 2012. Giải pháp để nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị ngành hàng xoài cát tỉnh Đồng Tháp. Thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ.

2. Đỗ Minh Hiền và ctv, 2006. Phân tích ngành hàng xoài tại tỉnh Tiền Giang và Đồng Tháp. Viện Nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam.
3. Đinh Phi HỒ, 2011. Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển - nông nghiệp. Nhà xuất bản Phương Đông.
4. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Nhà xuất bản Hồng Đức, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.
5. Lê Thị Thu Oanh, 2011. Đánh giá thực trạng và phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất xoài cát Hòa Lộc tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Luận văn Đại học ngành Kinh tế Nông nghiệp, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Trường Đại học Cần Thơ.
6. Nguyễn Phước Tuyên, 2012. Báo cáo tình hình sản xuất xoài tỉnh Đồng Tháp. Hội thảo sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp năm 2012.
7. Chi cục thống kê Đồng Tháp, 2012. Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Tháp năm 2011.
8. Phan Thị Thanh Nhân, 2011. Phân tích hiệu quả kinh tế của hộ trồng xoài ở Thành Phố Cần Thơ. Luận văn Đại học ngành Phát triển nông thôn, Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long. Trường Đại học Cần Thơ.
9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Tháp, 2012. Báo cáo sơ kết các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản-thủy sản năm 2012.
10. Trần Văn Hậu, 2008. Sản xuất xoài rải vụ theo hướng GAP tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hội thảo khoa học tại Bình Thuận.
11. Trung tâm Khuyến nông-Khuyến ngư tỉnh Đồng Tháp, 2012. Báo cáo Tổng kết cây xoài năm 2012.
12. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, 2012. Báo cáo tình hình Kinh tế-Xã hội năm 2012.
13. Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh, 2012. Báo cáo tổng kết năm 2011, phương hướng nhiệm vụ năm 2012.

14. Ủy ban nhân dân Thành phố Cao Lãnh, 2013. Báo cáo Quý I năm 2013, phương hướng quý II năm 2013.
15. Võ Chí Cường, 2009. So sánh hiệu quả sản xuất xoài và xoài xen chanh tại huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng. Luận văn cao học ngành Kinh tế nông nghiệp, Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh. Trường Đại học Cần Thơ.
16. Võ Thị Thanh Lộc, 2010. Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu. Thành phố Cần Thơ: Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
17. Võ Thị Thanh Lộc, Nguyễn Phú Sơn, 2013. Giáo trình Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm (Ứng dụng trong lĩnh vực Nông nghiệp). Thành phố Cần Thơ: NXB Đại học Cần Thơ.